

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2018/DS-PT

Ngày: 21-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Đào - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đỗ Thị Lụa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/DSPT ngày 02 tháng 10 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2018/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 07/TB-TA ngày 02/11/2018 và Quyết Đ tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 18/2018/QĐPT-DS ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị C, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Anh Nguyễn Văn H; sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi là Đ), sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện K, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: Luật sư Lê Văn N- Văn phòng luật sư Xuân- Ninh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Hữu H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện I, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

4. Người làm chứng: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện I, tỉnh Bình Phước.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Bà Đoàn Thị C là tiểu thương thực hiện việc mua bán nông sản tại xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước và bán lại cho các thương lái để kiếm lợi nhuận. Thông qua ông Bùi Hữu H nên bà C quen biết bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi Đ). Vào vụ điều năm 2017 bà C có bán cho bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi Đ) điều thô, hai bên thỏa thuận bên bán hàng cân cho bên mua hàng, bên mua hàng sẽ thanh toán số lượng điều mua của ngày hôm đó và thanh toán số tiền 80% tiền hàng, số tiền còn nợ đến ngày hôm sau cân hàng cộng vào ngày hôm sau, sau đó thanh toán tiền hàng ngày hôm sau và tiền nợ ngày hôm trước. Từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017 bà N cân điều của bà C cụ thể:

Ngày 12/3/2017 chốt nợ từ việc mua điều với số tiền 259.259.000đồng.

Ngày 14/3/2017 bà N cân điều tổng số 10.007 kg x 45.000đồng/kg = 450.315.000đồng, cộng với số nợ cũ của ngày 12/3/2017 là 709.474.000đồng. Bà N đã thanh toán 500.000.000đồng, còn nợ lại 209.474.000đồng.

Ngày 15/3/2017 bà N tiếp tục cân điều 12.228kg x 44.600đồng/kg = 545.368.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 14/3/2017 là 754.842.000đồng. Bà N đã thanh toán 520.000.000đồng, bà N còn nợ lại 234.842.000đồng.

Ngày 16/3/2017, bà N tiếp tục cân điều 10.848kg x 41.500đồng/kg = 450.192.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 15/3/2017 tổng số tiền nợ là 685.034.000đồng. Bà N đã thanh toán 500.000.000đồng, bà N còn nợ lại 185.034.000đồng.

Ngày 18/3/2017 bà N tiếp tục cân điều 12.925kg x 40.400đồng/kg = 522.170.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 16/3/2017 tổng số tiền nợ là 707.204.000đồng. Bà N đã thanh toán 400.000.000đồng, bà N còn nợ lại 307.204.000đồng.

Ngày 21/3/2017 bà N tiếp tục cân điều 16.234kg x 40.500đồng/kg = 657.477.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 18/3/2017 tổng số tiền nợ là 964.681.000đồng. Bà N đã thanh toán 500.000.000đồng, bà N còn nợ lại 464.000.000đồng.

Ngày 22/3/2017 bà N tiếp tục cân điều 12.584kg x 40.500đồng/kg = 509.652.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 21/3/2017 tổng số tiền nợ là 973.652.000đồng. Bà N đã thanh toán 600.652.000đồng, bà N còn nợ lại 373.000.000đồng.

Ngày 23/3/2017 bà N tiếp tục cân điều 13.123kg x 40.500đồng/kg = 531.481.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 22/3/2017 tổng số tiền nợ là 904.000.000đồng. Bà N đã thanh toán 700.000.000đồng, bà N còn nợ lại 204.000.000đồng. Hai bên chốt

nợ đến ngày 23/3/2017 bà N (Đ) nợ lại bà C số tiền 204.000.000đồng. Bà N có làm giấy biên nhận.

Khi mua bán hai bên không làm giấy tờ, mà mỗi người tự lập cho mình cuốn sổ tay để ghi nội dung mua bán hàng từng ngày để tự theo dõi. Khi hai bên chốt nợ thì bà C mới yêu cầu bà N ký nhận nợ. Số tiền còn nợ từ việc mua bán điều 204.000.000đồng cho đến nay bà N chưa thanh toán, mặc dù bà C đã yêu cầu bà N thanh toán nhiều lần. Do đó bà C khởi kiện bà N phải thanh toán số tiền còn nợ từ việc mua bán điều là 204.000.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông Nguyễn Tiến D là chồng của bà C tuy nhiên việc mua bán điều là do bà C mua bán với bà N, ông D không biết việc mua bán. Tài sản hiện đang tranh chấp là tài sản riêng bà C nên ông không liên quan và không yêu cầu gì. Việc bà C cân điều bán cho bà N thì chỉ biết bà N nên mới làm giấy tờ chốt nợ với bà N. Sau ngày 23/3/2017 bà C không còn bán điều cho bà N, còn ông H thì có việc mua bán nhưng không liên quan đến bà N. Quá trình thanh toán tiền hàng thì đều do bà N thanh toán. Hiện nay ông H không còn nợ bà C khoản tiền nào. Do bà C và ông H không có nợ tồn đọng nên sổ sách việc mua bán giữa bà C và ông H không còn. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung, cung cấp các tài liệu chứng cứ gì khác.

** Bi đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ngoài tên Nguyễn Thị N thì bà còn có tên gọi khác là Đ. Bà và ông Bùi Hữu H là bà em con cô cậu. Bà không quen biết và mua bán gì với bà Đoàn Thị C. Bà C và ông H mua bán điều với nhau đã lâu. Do hàng hóa nhiều và nhà bà có xe tải nên ông Bùi Hữu H có nhờ bà đi cân đùm điều của bà C từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017. Việc ông H nhờ bà đi cân đùm điều hai bên chỉ thỏa thuận lời nói không lập văn bản gì. Khi cân điều hai bên không ghi chung một cuốn sổ mà mỗi bên tự ghi vào sổ riêng của mình và tự theo dõi, những nội dung nào đã thanh toán thì bà tự ghi vào sổ chữ “R”. Khi chốt nợ thì hai bên mới ký nhận nợ. Nội dung việc mua bán điều từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017 như nguyên đơn trình bày là đúng. Việc cân điều có lúc bà đi với ông H, có lúc bà đi một mình nhưng khi ký giấy nhận nợ thì bà là người ký vì bà C không tin tưởng ông H. Đối với giấy mua bán và chốt nợ ngày 12/3/2017 mà nguyên đơn nộp bà xác nhận chữ từ trên xuống đến dòng chữ “259.159.000đồng” là của bà C viết. Còn dòng chữ “em Đ nợ số tiền 259.159.000đ áp 3, E, K, Bình Phước và chữ ký” là của bà viết. Giá cả mua bán và tiền hàng thì ông H và bà C tính toán, bà không biết. Việc trả tiền nợ lại từ ngày 12/3/2017 đến ngày 22/3/2017 là do ông H trả. Sau khi ông H trả tiền nợ của ngày cân điều trước cho bà C thì hôm sau bà tiếp tục cân điều đùm ông H. Đến ngày 23/3/2017 thì bà cân điều của bà C với số ký 13.123kg như nội dung giấy cân điều ngày 23/3/2017 nguyên đơn cung cấp. Tổng số tiền cân điều của ngày 23/3/2017 là 531.000.000đồng, cộng với nợ cũ ngày 22/3/2017 tổng số tiền nợ là 904.000.000đồng. Bà là người trực tiếp trả tiền 700.000.000đồng cho bà C tuy nhiên số tiền này là do ông H đưa bà để trả tiền bà C. Việc ông H đưa tiền cho bà trả bà C không làm giấy tờ gì. Chữ viết trong giấy chốt nợ

ngày 23/3/2017 từ trên xuống đến dòng chữ “trả 700.000.000” là của bà C viết. Còn dòng chữ “23/3 cô Đ nợ lại 204.000.000” là do chính bà N (Đ) viết. Tuy nhiên sau ngày 23/3/2017 bà không còn đi cân điều dùm cho ông H nữa mà ông H là người trực tiếp đi cân điều bà C cho đến hết vụ điều 2017. Số tiền 204.000.000đồng bà chưa trả vì ông H là người đã trả số tiền này. Do đó bà N không đồng ý trả số tiền 204.000.000đồng cho bà C.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H trình bày:*

Ông H và bà N là bà con cô cậu, công việc của ông H làm nghề buôn bán điều. Ông và bà Đoàn Thị C là bạn hàng mua bán điều nhiều năm. Vào vụ điều năm 2017 do lượng hàng nhiều nên ông H có nhờ bà N đi cân điều và chở điều của bà C. Cụ thể việc mua điều của bà C từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017. Khi đến cân điều của bà C thì có lúc ông và bà N cùng đi, có lúc bà N đi cân một mình, tuy nhiên khi ký nhận nợ khi ông có mặt thì bà N là người ký nhận vì ông ở trên xe. Khi bà N đi cân một mình thì chỉ có bà N ký nhận. Việc ông H và bà N thỏa thuận việc đi cân điều dùm ông H thì giữa ông H, bà N chỉ thỏa thuận bằng lời nói không làm văn bản. Đồng thời giữa ông H, bà N (Đ) và bà C cũng không có văn bản gì. Các nội dung mua bán điều, số lượng điều, giá điều mà nguyên đơn trình bày là đúng. Đến ngày 23/3/2017 bà N cân hàng và chốt nợ còn nợ lại bà C số tiền 204.000.000đồng. Việc ký giấy chốt nợ do bà N ký nhận. Số tiền 700.000.000đồng trả cho bà C ngày 23/3/2017 là tiền của ông H đưa cho bà N để thanh toán tiền hàng cho bà C. Sau ngày 24/3/2017 bà N không còn đi cân điều của bà C. Số tiền nợ ngày 23/3/2017 là 204.000.000đồng ông H đã thanh toán cho bà C ngày 24/3/2017 vì từ ngày 24/3/2017, ông H là người trực tiếp đi cân điều của bà C. Tuy nhiên khi trả tiền và cân hàng sau ngày 24/3/2017 ông H không giữ mà bà C giữ nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Đến cuối vụ điều năm 2017 thì ông H còn nợ tiền hàng của bà C số tiền 186.000.000đồng, nhưng giấy chốt nợ này ông H không giữ mà bà C giữ. Ông H đã thanh toán cho bà C số tiền 50.000.000đồng. Hiện nay ông còn nợ bà C 136.000.000đồng. Ông đồng ý trả tiền cho bà C 136.000.000đồng tuy nhiên xin trả dần. Do ông H sợ ý nghĩ bạn hàng nhiều năm nên không có lập giấy tờ gì. Đối với số tiền 204.000.000đồng nợ ngày 23/3/2017 ông H đã trả không liên quan gì đến bà N.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã quyết định:

Áp dụng vào các điều 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N (Đ) thanh toán cho nguyên đơn bà Đoàn Thị C số tiền 204.000.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 31/7/2018 và ngày 17/8/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc

thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 03/7/2018 của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/11/2018 bà N và ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C. Đồng thời, sau khi kết thúc phần tranh luận, bị đơn bà N, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để được đối chất với bà C tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp nhận yêu cầu của bà N, ông H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tạm ngừng phiên tòa và ấn định thời gian tiếp tục phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 21/11/2018 và tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 21/11/2018 bà N, ông H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà N đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H; Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn bà Đoàn Thị C, bị đơn bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác là Đ) đều thống nhất nội dung: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017 bà N có cân điều của bà C, khi cân điều các bên thỏa thuận sẽ thanh toán 80% đến 90% giá trị hạt điều ngày hôm đó, số tiền còn lại sẽ được thanh toán vào lần cân điều ngày hôm sau. Tại lần cân điều ngày 23/3/2017 bà N cân của bà C số lượng hạt điều 13.123kg với giá 40.500.000đồng/kg là 531.481.000đồng, cộng với 373.000.000 đồng nợ ngày 22/3/2017 là 904.000.000đồng. Bà N đã thanh toán 700.000.000đồng, bà N còn nợ lại bà C số tiền 204.000.000đồng. Việc này được hai bên viết giấy chốt nợ với nội dung “23/3 cô Đ nợ lại 204.000.000 đồng” (Bút lục 25) nên đây là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà N và ông Bùi Hữu H thì có việc từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017 bà N cân điều của bà Đoàn Thị C nhưng vì số lượng

hàng nhiều, bà N lại có xe tải và ông H bận đi giao hàng cho công ty thường về trễ nên ông H nhờ bà N đi cân điều giùm ông H chứ bà N không có quan hệ mua bán hạt điều với bà C. Do đó, số tiền nợ lại 204.000.000 đồng ngày 23/3/2017 là khoản tiền điều ông H nợ lại bà C chứ không liên quan đến bà N. Lời trình bày này của ông H và bà N không được phía nguyên đơn bà C thừa nhận. Hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo số 22 và 23 ngày 11/12/2017 và tại biên bản đối chất ngày 02/11/2018, tại cấp phúc thẩm cũng yêu cầu bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Hữu H cung cấp chứng cứ chứng minh có việc bà N, ông H và bà C thỏa thuận việc bà N cân điều của bà C giùm cho ông H hay không. Bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài việc cung cấp những người làm chứng mà ông H, bà N cho rằng có biết việc bà N cân điều giùm cho ông H là anh Trần Văn Đ, anh Hoàng Phi L, anh Ngô Văn P, anh Vũ Hồng C, bà Nguyễn Thị P. Tòa án đã triệu tập những người làm chứng mà ông H, bà N yêu cầu. Tuy nhiên anh Trần Văn Đ, anh Ngô Văn Ph, anh Vũ Hồng C vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến thể hiện phía sau biên bản giao nhận giấy triệu tập với nội dung không biết sự việc mua bán giữa ông H, bà N với bà C và đề nghị Tòa án không triệu tập anh Đ, anh P, anh C đến tham dự phiên tòa nữa. Do đó, căn cứ vào lời thừa nhận của bà N về việc trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2017 đến ngày 23/3/2017 bà N có cân điều của bà C và căn cứ giấy chốt nợ với nội dung “23/3 cô Đ nợ lại 204.000.000 đồng” do chính bà N viết, Hội đồng xét xử có cơ sở xác Đ bà Nguyễn Thị N còn nợ bà Đoàn Thị C số tiền 204.000.000 đồng từ việc mua bán điều ngày 23/3/2017.

[3] Xét việc thanh toán số tiền 204.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời trình bày của bà N và ông H thì số tiền này là khoản tiền còn nợ lại trong lần cân điều ngày 23/3/2017 của bà C. Nhưng việc cân điều của bà C là do bà N cân giùm cho ông H, việc thanh toán tiền là do ông H thanh toán với bà C. Từ ngày 24/3/2017, bà N không còn cân điều của bà C nữa mà ông H tiếp tục cân điều của bà C đến đầu tháng 4/2017. Do vậy, số tiền 204.000.000 đồng này ông H đã thanh toán cho bà C vào ngày 24/3/2017. Nay ông H chỉ còn nợ bà C số tiền 136.000.000 đồng và đề nghị được trả dần. Tuy nhiên ông H không có tài liệu gì để chứng minh cho lời trình bày này nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông H và bà N có yêu cầu được đối chất với bà C. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tiến hành đối chất giữa các bên đương sự vào ngày 02/11/2018 nhưng bà C không có mặt mà ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H tham gia, kết quả đối chất không có nội dung gì mới so với lời trình bày của các đương sự tại cấp sơ thẩm. Hơn nữa, tại phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm công khai ngày 12/11/2018, bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H là những người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã đề nghị tạm ngừng phiên tòa để mời nguyên đơn bà C lên đối chất để làm rõ nội dung vụ án. Tuy nhiên, khi tòa án ấn định lại ngày xét xử tiếp theo và tổng đạt hợp lệ thì bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn lại cố tình vắng mặt mà không có bất cứ lý do gì.

[5] Từ những nhận Đ nêu trên, có cơ sở xác Đ việc bà Nguyễn Thị N còn nợ lại bà Đoàn Thị C số tiền 204.000.000đồng từ việc mua bán điều ngày 23/3/2017 nên cần buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền này như Tòa cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng nên yêu cầu kháng cáo của bà N, ông H không được chấp nhận

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Hữu H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu H,

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng.

Áp dụng vào các điều 430, 431, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị C. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác là Đ) trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị C số tiền 204.000.000đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.200.000đồng (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Đoàn Thị C không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Đoàn Thị C số tiền tạm ứng án phí là 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0021487 ngày 05 tháng 10 năm 2017.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Bùi Hữu H phải phải chịu mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

dân sự phúc thẩm ông H, bà N đã nộp theo biên lai thu số 0022297 ngày 20/8/2018 và biên lai thu số 0022344 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu:HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Hạnh